

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/DS-PT

Ngày: 28/01/2026

V/v tranh chấp hợp đồng hợp tác

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thu Lan

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Công Diên

Ông Phạm Hải Nam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 12 năm 2025, ngày 21 và ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng đồng hợp tác*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DSST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 167/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 77/2025/QĐPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Lê Hoài V - Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Gia Lai (địa chỉ cũ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Huy T - Trưởng phòng Pháp chế Công ty Cổ phần Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 05/12/2025).

Địa chỉ: Số D đường N, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số E đường H, phường Q, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: 1. Anh Phan Văn L - sinh năm 1985; cư trú tại số A đường H, tổ H, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ cũ: Số A đường H, tổ H, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum).

2. Anh Lê Bảo L1 - sinh năm 1990; cư trú tại số A đường L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ cũ: Số A đường L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Anh Vũ Anh M - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số H đường B, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Văn L: Anh Lê Bảo L1 - sinh năm 1990; cư trú tại số A đường L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ cũ: Số A đường L, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum), (theo văn bản ủy quyền ngày 27/8/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn Q - sinh năm 1973; cư trú tại số A đường B, phường K, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ cũ: Số A đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum).

2. Bà Bé Thị Kim Q1 - sinh năm 1969; cư trú tại số A đường L, phường K, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đ; bị đơn là anh Lê Bảo L1 và anh Phan Văn L.

(Anh Lê Hoài V, anh Trần Huy T, anh Lê Bảo L1, anh Vũ Anh M có mặt tại phiên tòa; bà Bé Thị Kim Q1 có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn Q vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2024, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đ do anh Trần Huy T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) do anh Lê Hoài V là đại diện theo pháp luật cùng anh Phan Văn L và anh Lê Bảo L1 có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 050423/ÔLALA- KT ngày 06/4/2023 để góp vốn cùng nhau mở quán N - Chi nhánh tại Kon Tum với thời hạn 05 năm, kể từ ngày ký hợp đồng. Ngày 29/4/2023, các bên đã tiến hành khai trương bán hàng và giao cho anh L cùng anh L1 trực tiếp quản lý việc bán hàng, tài chính của chi nhánh tại Kon Tum.

Ngày 25/7/2023, anh L và anh L1 đã chậm trễ trong việc thanh toán tiền nhập hàng hóa đầu vào do anh V cung cấp; tự ý đưa vào thực đơn những món ăn

không đúng thương hiệu nem chợ huyện ÔLaLa; khi anh V phát hiện các vi phạm đó đã cùng thảo luận trong nhóm Group Zalo điều hành ÔLaLa tại Kon Tum, nhưng không tìm được tiếng nói chung nên cùng thống nhất thanh lý hợp đồng; anh L và anh L1 sẽ thanh toán lại cho anh V tiền đã đầu tư (trừ đi khấu hao trong quá trình kinh doanh) và hẹn trong vòng 01 tuần sẽ giải quyết xong. Kể từ thời điểm đó, anh L và anh L1 nhập hàng và kinh doanh theo quyết định của mình, cắt thông tin phần mềm và camera để anh V không theo dõi được quá trình vận hành của quán và quản lý những tài sản mà anh V đã cùng đầu tư vào. Đầu tháng 8/2023, anh L1 gọi điện hẹn gặp anh V ở quán N tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cùng kế toán lập hợp đồng thanh lý và phụ lục tính toán số tiền mà anh L1 và anh L sẽ trả lại cho anh V, sau khi thống nhất xong. Anh L1 hẹn anh V một tuần sau lên quán nem chợ huyện Ô - Chi nhánh K để gặp ký thanh lý và nhận tiền. Trước ngày gặp thì anh V nhắn tin vào Group điều hành của nhóm để hẹn và xác nhận thời gian gặp vì anh V ở xa; anh L1 tiếp tục hẹn 14 giờ thứ 3 vào một tuần sau đó, anh V chấp nhận và có mặt đúng hẹn để giải quyết nhưng anh L1 và anh L bảo không hoàn tiền và không ký biên bản thanh lý, sau đó bỏ đi.

Anh V1 đã nhiều lần gặp gỡ và trao đổi với anh L và anh L1 để thảo luận nhằm tìm tiếng nói chung, nhưng anh L và anh L1 đã không làm việc trên tinh thần hợp tác, muốn gạt bỏ anh V1 ra khỏi quy trình quản lý để chiếm đoạt toàn bộ số vốn gốc của anh V1. Hơn thế nữa, còn nhập hàng không rõ nguồn gốc, kinh doanh mặt hàng ăn uống không đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng đến thương hiệu nem chợ huyện ÔLaLa.

Ngày 22/9/2023, Công ty Đ đã gửi Thông báo bằng văn bản đề nghị anh L và anh L1 chấm dứt ngay các hành vi vi phạm, bàn giao lại mặt bằng cùng toàn bộ trang thiết bị (theo Bảng kê phụ lục TSCĐ kèm theo) đã có tại Chi nhánh K vào ngày 30/9/2023, để Công ty tiếp quản và tiếp tục xúc tiến kinh doanh theo hợp đồng đã giao kết, tránh xảy ra tranh chấp không đáng có, nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho những người có liên quan. Tuy nhiên, đến hết thời hạn theo thông báo nhưng anh L và anh L1 cố tình không có mặt tại địa điểm kinh doanh để tiến hành công việc thanh lý hợp đồng và bàn giao tài sản theo nội dung thông báo đã nhận được.

Ngày 05/10/2023, Công ty Đ tiếp tục gửi Thông báo lần 02 bằng văn bản về việc vi phạm hợp đồng và đề nghị anh L, anh L1 bàn giao lại mặt bằng cùng toàn bộ trang thiết bị đã có tại Chi nhánh K để Công ty tiếp quản, nhưng anh L và anh L1 cố tình không thực hiện việc bàn giao để tiếp tục tiến hành các biện pháp xúc tiến kinh doanh theo hợp đồng đã giao kết. Anh Vũ đã lập biên bản ghi nhận việc cố tình không hợp tác của anh L và anh L1 trước sự chứng kiến của

chủ mặt bằng cho thuê là ông Nguyễn Văn Q và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, Công ty ÔLaLa yêu cầu Tòa án buộc anh L và anh L1 phải hoàn trả lại cho Công ty Đ số tiền vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh là 180.000.000 đồng, trừ khấu hao 5% còn lại 171.000.000 đồng và tiền lãi phạt chậm thanh lý hợp đồng, tính từ ngày 05/10/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm của số tiền 171.000.000 đồng, thành tiền 31.350.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 202.350.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, Công ty Đ còn yêu cầu anh L và anh L1 phải bồi thường thiệt hại uy tín thương hiệu và quá trình hoạt động của Công ty ÔLaLa do anh L, anh L1 vi phạm hợp đồng đã ký kết. Tại phiên tòa, Công ty Đ tự nguyện rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền lãi chậm thi hành án, Công ty ÔLaLa yêu cầu tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; án phí, chi phí tố tụng khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc anh L, anh L1 giao nộp giấy đăng ký kinh doanh của hộ bà Bé Thị Kim Q1 thì Công ty ÔLaLa không biết bà Q1 là ai; việc kinh doanh là của Công ty Đ với anh L, anh L1 không liên quan đến bà Q1; bà Q1 không góp vốn vào Công ty ÔLaLa. Công ty Đ không yêu cầu giải quyết vấn đề gì với bà Q1.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là anh Lê Bảo L1 và anh Phan Văn L do anh Lê Bảo L1 đại diện trình bày:* Các anh thừa nhận có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh và số tiền góp vốn như Công ty Đ trình bày là đúng, nhưng các anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của Công ty ÔLaLa. Công ty ÔLaLa khởi kiện muốn nhận lại số tiền 180.000.000 đồng hoặc 159.000.000 đồng là không hợp lý, vì Công ty ÔLaLa đã không góp đủ 180.000.000 đồng. Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa các bên thì Công ty Đ góp 180.000.000 đồng, tương ứng tỉ lệ 30% nhưng anh V1 đã tự ý trừ 60.000.000 đồng với lý do là tiền điều hành trực tiếp nên số tiền mà Công ty Đ góp chỉ là 120.000.000 đồng; các chi phí thuê mặt bằng, cọc hàng rào, phần thi công xây dựng, các chi phí vô hình,... đều được trích từ phần vốn góp của các bên, mà chi phí này chiếm đa số (2/3) vốn đã góp; kinh doanh thua lỗ là chuyện không ai mong muốn, lời lỗ cùng chịu, nên việc Công ty ÔLaLa muốn rút toàn bộ phần vốn đã góp ban đầu là điều hoàn toàn vô lý.

Theo Điều II, IV của hợp đồng thuê mặt bằng ngày 06/4/2023 thì giá thuê mặt bằng năm đầu tiên là 10.000.000 đồng/tháng, trả tiền trước 01 năm là 120.000.000 đồng và có trách nhiệm đặt cọc cho bên cho thuê số tiền 50.000.000 đồng do tháo dỡ tường rào, cổng, quây của bên cho thuê,... để trang trí theo hình mẫu thiết kế, khi bên thuê hoàn trả lại hiện trạng ban đầu cho bên cho thuê thì bên cho thuê sẽ hoàn trả lại số tiền 50.000.000 đồng, tổng số tiền bên thuê chuyển cho bên cho thuê là 170.000.000 đồng (anh chuyển 120.000.000 đồng, anh V1 chuyển 50.000.000 đồng); các khoản tiền này đều được tính trong số vốn góp kinh doanh của các bên. Phần trang trí quán, thiết kế xây dựng mang tính đặc trưng thương hiệu ÔLaLa đều do anh V1 đứng ra phụ trách chính, anh V1 đã cho tháo dỡ phần cổng, tường rào,... của mặt bằng cũ.

Đến thời điểm này, các hạng mục mà anh V1 đã cho thực hiện tháo dỡ để thiết kế lại quán theo tính đặc trưng thương hiệu ÔLaLa vẫn còn nguyên, chưa trả lại hiện trạng ban đầu cho bên cho thuê nên việc bên cho thuê đã hoàn trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho bên thuê là không đúng, đồng nghĩa với việc các anh không giữ số tiền này.

Đối với khoản tiền 159.000.000 đồng, tức là sau khi quán hoạt động kinh doanh không hiệu quả, các bên có bàn bạc và thảo luận đưa ra các phương án mua lại phần vốn góp của các bên. Công ty ÔLaLa có đưa ra yêu cầu là Công ty sẽ mua lại phần vốn góp của các anh (70% vốn góp) với số tiền sau khi trừ hết khấu hao là 230.000.000 đồng với điều kiện là sẽ tiếp tục kinh doanh và thanh toán trong vòng 03 tháng; nếu Công ty Đ bán lại phần vốn góp (30% vốn góp) cho các anh, sau khi trừ hết khấu hao là 150.000.000 đồng, với điều kiện là phải thanh toán 01 lần cho Công ty Đ. Các phương án và yêu cầu của Công ty Đ là không hợp lý nên các anh không thống nhất thỏa thuận các phương án này.

Đối với khoản tiền 60.000.000 đồng mà anh V1 cho rằng là tiền trực tiếp điều hành, thuê người cùng nhau thiết kế, trang trí quán,... các anh không đồng ý vì phần thi công, xây dựng đều có thợ làm riêng cho mỗi lĩnh vực như thợ sắt, thợ hồ, thợ điện, camera,... mỗi nhóm thợ này là do anh V1 tự thỏa thuận công việc, giá cả, giao việc hàng ngày, tiền công được trả tính cao hơn mặt bằng chung của thị giá công thợ thời điểm đó; khoản tiền này được kê và tính trừ vào phần tiền góp vốn của các bên, chứ không phải được trừ vào số tiền 60.000.000 đồng mà anh V1 đã tự ý rút tiền.

Trong quá trình thi công, xây dựng và kinh doanh quán các anh vẫn thường xuyên có mặt để cùng nhau đưa ra các ý kiến để xây dựng quán, không thấy có bản vẽ thiết kế nào để các bên xem xét và thảo luận góp ý cho bản vẽ đó, anh là người cùng anh V1 đã rất nhiều lần tham gia cùng nhau phụ giúp việc cho quán.

Khi quán đi vào kinh doanh, anh là người phụ trách điều hành trực tiếp xuyên suốt việc của quán, anh V1 ở xa (huyện T, tỉnh Bình Định) nên chỉ theo dõi qua camera điện thoại, lúc cao điểm còn nhờ thêm 2 - 3 người nhà của anh lên để phụ quán, 100% các công việc hàng ngày của quán đều do anh xử lý, nên việc anh V1 tự ý lấy 60.000.000 đồng tiền điều hành trực tiếp là điều vô lý.

Về tiền lãi chậm trả, các anh đồng ý tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; tiền chi phí tố tụng khác và án phí, giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ngày 06/4/2023, ông có cho anh Lê Bảo L1 thuê mặt bằng tại địa chỉ số A đường B, thành phố K, tỉnh Kon Tum nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi để anh L1 kinh doanh quán ăn; hai bên có lập hợp đồng thuê mặt bằng; khi ông cho thuê đã có quán, bếp, khu vệ sinh, sân vườn và trang thiết bị chủ yếu gồm dụng cụ làm bếp, bàn ghế, chén bát, bàn âm thanh, hệ thống camera..., giá cho thuê năm đầu tiên là 10.000.000 đồng/tháng; năm thứ hai tăng 5%/năm; thời hạn thuê 05 năm, tính từ ngày 06/4/2023.*

Ngay sau ký hợp đồng, anh L1 đã chuyển cho ông 120.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản; ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận bằng lời nói là anh L1, anh V1 chấp nhận điều kiện trả thêm 50.000.000 đồng tiền xây dựng lát tường rào trước quán do trước đó ông đã xây dựng; anh V1 đã chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng cho ông. Ông có thỏa thuận với anh L1, anh V1, sau khi chấm dứt hợp đồng phải xây dựng lại tường rào cho ông, nếu không ông sẽ dùng số tiền 50.000.000 đồng để xây dựng lại tường rào.

Anh L1, anh V1 kinh doanh được khoảng 05 tháng thì giữa anh L1, anh V1 không có sự đồng thuận nên không kinh doanh nữa; khi kết thúc thời hạn thuê 01 năm thì anh L1 có thông báo với ông là không thuê nữa và tháo gỡ, lấy lại đồ đạc nhưng chưa xây lại tường rào cho ông như cũ. Chính vì vậy, ông để lại số tiền này để xây dựng lại tường rào mà anh L1, anh V1 đã tháo trước đó. Anh L1 có trả lại các vật dụng mà ông đã cho thuê kèm mặt bằng trước đó. Toàn bộ tài sản của anh L1, anh L1 tự tháo dỡ còn để lại 02 căn phòng tiền chế và các vật dụng biển báo được cho là phần của anh V1 là không tháo. Tháng 10/2024, ông có điện thoại cho anh V1 đến tháo phần còn lại, anh V1 nói ông liên hệ với anh L1, nói anh L1 tháo về; vì vậy, anh L1 có đến tháo về và cất cho anh V1. Đến thời điểm hiện tại thì tài sản của anh L1, anh V1 không còn gì trên mặt bằng của ông và việc thuê quán đã chấm dứt giữa các bên; hiện tại, ông đã cho người khác thuê mặt bằng; ông không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông đề nghị xét xử vắng mặt ông.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bé Thị Kim Q1 trình bày:* Bà không có quan hệ gì với anh Phan Văn L và anh Lê Hoài V; bà là mẹ đẻ của anh Lê Bảo L1.

Theo giấy chứng nhận kinh đăng ký hộ kinh doanh số 38A8005229 đứng tên hộ kinh doanh là bà; tuy nhiên, việc kinh doanh là do anh L1 hợp tác với Công ty Đ; bà không góp vốn, không thu lợi nhuận từ việc hợp tác kinh doanh này; việc hợp tác kinh doanh hoàn toàn do anh L1 chịu trách nhiệm. Lý do anh L1 không tự làm giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh được là vì trong một gia đình chỉ được một người đăng ký đứng tên hộ kinh doanh. Chính vì vậy, khi anh L1 ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty ÔLaLa đã đăng ký thành viên trong giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của bà. Bà không liên quan đến việc kinh doanh giữa anh L1, anh L và Công ty Đ. Anh L1 kinh doanh ở một địa điểm hoàn toàn khác với địa điểm kinh doanh của bà; giữa bà và anh L1 cũng không chung vốn kinh doanh, hoàn toàn độc lập về việc kinh doanh, ngay cả thuế, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm... đều riêng biệt. Nay, anh L1 và các đối tác của anh L1 làm ăn thua lỗ, không tiếp tục hợp tác nữa là việc kinh doanh của anh L1 với các đối tác của anh L1, không liên quan đến bà; bà không có ý kiến gì, yêu cầu gì. Bà đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

** Bản án số 18/2025/DSST ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi đã xử:*

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty ÔLaLa về bồi thường thiệt hại uy tín thương hiệu của Công ty Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty ÔLaLa, buộc anh L và anh L1 phải liên đới trả cho Công ty Đ số tiền 62.819.130 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 16/9/2025, Công ty Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ.

* Ngày 17/9/2025, anh Lê Bảo L1 và anh Phan Văn L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng, tìm đơn vị thứ 3 thu mua các tài sản còn lại, sau khi xác định được giá tiền thì cộng với số tiền mà các anh đã bán thanh lý trước đó rồi chia theo tỷ lệ góp vốn.

* *Tại phiên tòa, nguyên đơn phát biểu ý kiến tranh luận:* Trường hợp bị đơn đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, rút đơn kháng cáo thì nguyên đơn cũng đồng ý rút đơn kháng cáo, bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bị đơn không đồng ý thì đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

* *Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng, bị đơn được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng các tài sản được thể hiện tại 02 Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2025, bị đơn đồng ý hoàn trả phần vốn góp cho nguyên đơn số tiền 8.000.000 đồng.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.*

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án số 18/2025/DSST ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi do phát sinh tình tiết mới tại phiên tòa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm; về án phí dân sự phúc thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 04/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi xét xử vụ án nêu trên. Ngày 16 và ngày 17/9/2025, nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ), bị đơn là anh Lê Bảo L1 và anh Phan Văn L có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 06/4/2023, Công ty ÔLaLa với anh L1 và anh L ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 050423/OLALA- KT để mở quán nem chợ huyện Ô - Chi nhánh tại Kon Tum với tổng số tiền góp là 600.000.000 đồng (trong đó có vốn góp ban đầu và góp vốn bổ sung) theo tỷ lệ Công ty ÔLaLa góp 30%, anh L góp 40% và anh L1 góp 30%. Theo quy định tại Điều 504, 505 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là hợp đồng hợp tác, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác*”.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; bà Bé Thị Kim Q1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận: Ngày 06/4/2023, giữa Công ty ÔLaLa với anh L và anh L1 có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh để mở quán nem chợ huyện Ô - Chi nhánh tại Kon Tum với thời hạn 05 năm, kể từ ngày 06/4/2023 đến hết ngày 05/4/2028; tổng số tiền các bên góp là 600.000.000 đồng (trong đó có vốn góp ban đầu và góp vốn bổ sung) theo tỷ lệ Công ty ÔLaLa và anh L1, mỗi bên góp 30% tương ứng số tiền 180.000.000 đồng; anh L góp 40% tương ứng số tiền 240.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, các bên đã tiến hành thuê mặt bằng, thi công xây dựng, sửa chữa, trang trí quán, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc kinh doanh; các bên đều thừa nhận số tiền góp vốn đã đầu tư hết vào quán, hiện không còn. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo Công ty ÔLaLa, do anh L1 và anh L chậm thanh toán tiền nhập hàng do anh Lê Hoài V cung cấp; tự ý đưa vào thực đơn những món ăn không đúng thương hiệu nem chợ huyện ÔLaLa; khi Công ty ÔLaLa phát hiện

các vi phạm đã cùng nhau thảo luận trong nhóm Group zalo điều hành nhưng không tìm được tiếng nói chung nên cùng thống nhất thanh lý hợp đồng. Công ty ÔLaLa đã 02 lần gửi Thông báo về việc vi phạm hợp đồng ngày 22/9 và ngày 05/10/2023 yêu cầu anh L1 và anh L chấm dứt các hành vi vi phạm, bàn giao lại mặt bằng cùng toàn bộ trang thiết bị đã có tại quán để Công ty ÔLaLa tiếp quản và tiếp tục việc kinh doanh. Tuy nhiên, hết thời hạn được thông báo, anh L1 và anh L không thực hiện.

[2.3] Anh L (do anh L1 đại diện tham gia tố tụng) và anh L1 không thừa nhận có nhận các Thông báo do Công ty ÔLaLa gửi; ngược lại, anh L và anh L1 cho rằng vào các ngày 31/3 và ngày 06/4/2024 (bút lục 151, 152), các anh có gửi Thông báo về việc giải quyết mặt bằng và tài sản tại quán N1, trong đó có nội dung: ... quán đã ngưng hoạt động từ ngày 12/8/2023; từ thời điểm đó đến nay, các bên đã có đưa ra các phương án giải quyết nhưng chưa đi đến thống nhất...; tài sản chung tại quán từ thời điểm ngưng sử dụng đến nay vẫn ở trong quán, dẫn đến hư hỏng, xuống cấp, thất lạc ... Đề nghị Công ty ÔLaLa có mặt tại địa chỉ A đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum vào lúc 09h00' ngày 05/4/2024 và ngày 14/4/2024 để giải quyết và đi đến thống nhất. Nếu trong trường hợp một hoặc hai bên vắng mặt, bên còn lại vẫn có thể tiếp tục giải quyết; nếu các bên giải quyết mà vẫn chưa đi đến thống nhất thì mọi chi phí phát sinh như kéo dài quá hạn thuê mặt bằng và tài sản trong quán hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng, thất lạc ... thì các bên phải tự chịu trách nhiệm và ngày 01/5/2024, các anh tiếp tục gửi Thông báo về việc trả mặt bằng và thanh lý tài sản tại quán N1 (bút lục 150), trong đó có nội dung các anh đã 02 lần thông báo cho Công ty Đ có mặt để giải quyết mặt bằng và thanh lý tài sản vào ngày 31/3 và ngày 06/4/2024. Tuy nhiên, Công ty ÔLaLa không thực hiện... Ngày 16/4/2024, anh L1 đã chấm dứt hợp đồng thuê mặt bằng với ông Nguyễn Văn Q. Ngày 26/4/2024, các anh đã tiến hành thanh lý 70% giá trị tài sản (theo tỉ lệ góp vốn), sau khi trừ đi các chi phí thuê mặt bằng, cọc hàng rào, xây dựng, phí hỗ trợ ...; giá trị tài sản 30% còn lại (sau khi trừ đi các chi phí thuê mặt bằng, cọc hàng rào, xây dựng, phí hỗ trợ ...) của anh V hiện vẫn đang lưu giữ tại địa chỉ A đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Anh V có trách nhiệm phải thanh lý toàn bộ 30% giá trị tài sản của mình đến trước ngày 07/5/2024, từ nay đến trước hoặc sau thời hạn trên mà anh V vẫn chưa thanh lý xong toàn bộ tài sản, thì mọi chi phí phát sinh cũng như mất mát, hư hỏng tài sản, cá nhân anh V phải chịu, chủ nhà có quyền tự thanh lý tài sản quá hạn để lấy lại mặt bằng dùng cho mục đích khác.

[2.4] Xét lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.4.1] Ngày 22/9/2023, Công ty Đ có Thông báo về việc thực hiện hợp đồng (bút lục 20) và ngày 05/10/2023, Công ty ÔLaLa có Thông báo về việc vi phạm hợp đồng (Thông báo lần 2), (bút lục 26) đều có nội dung yêu cầu anh L1, anh L chấm dứt hành vi vi phạm, bàn giao mặt bằng, các trang thiết bị có tại quán cho Công ty Đ tiếp quản việc kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty ÔLaLa không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã giao 02 Thông báo nói trên cho anh L1, anh L ngoài tài liệu có tiêu đề *Vận đơn gửi nhiều bưu gửi* (bút lục 218), thể hiện Công ty ÔLaLa có gửi cho anh L, anh L1 được bưu cục chấp nhận đóng dấu ngày 04/10/2023 là trước ngày ban hành Thông báo về việc vi phạm hợp đồng ngày 05/10/2023 và sau ngày ban hành Thông báo về việc thực hiện hợp đồng ngày 22/9/2023, nhưng Công ty ÔLaLa chưa chứng minh được vận đơn nói trên là gửi Thông báo về việc thực hiện hợp đồng ngày 22/9/2023 cho anh L, anh L1 và không được anh L, anh L1 thừa nhận.

[2.4.2] Theo giấy biên nhận của dịch vụ chuyển phát nhanh EMS đóng dấu bưu cục chấp nhận ngày 06/4/2024 (bút lục 180) thể hiện anh L1 có gửi tài liệu cho Công ty ÔLaLa. Mặc dù theo biên nhận của dịch vụ chuyển phát nhanh EMS không thể hiện tài liệu anh L1 gửi cho Công ty ÔLaLa là tài liệu gì, nhưng ngày 06/4/2024 là ngày anh L1 có Thông báo về việc giải quyết mặt bằng và tài sản tại quán N1 gửi cho Công ty ÔLaLa có nội dung như nhận định tại mục [2.3].

[2.4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận toàn bộ số tiền góp vốn đều đã chi hết cho việc thuê mặt bằng, thi công xây dựng, sửa chữa, trang trí quán, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc kinh doanh; hiện quán ăn đã dừng hoạt động; anh L, anh L1 thừa nhận bảng kê kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 25/7/2023 (bút lục 15, 16) là các hạng mục, thiết bị, chi phí đầu tư vào quán ăn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ giá trị còn lại của các tài sản, thiết bị đã đầu tư vào quán ăn, sau khi ngừng hoạt động còn lại bao nhiêu mới chia theo tỉ lệ vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều 512 Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L và anh L1 thừa nhận ngoài các tài sản mà các anh đã thanh lý (bút lục 222, 223), hiện các anh đang quản lý một số tài sản được thể hiện tại 02 Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2025 (bút lục 205 – 207, 210 - 212), tương ứng 30% vốn góp của Công ty Đ. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng anh L1, anh L tự bán tài sản, quản lý vốn còn lại từ việc thanh lý tài sản từ khi chấm dứt việc kinh doanh đến nay, các tài sản chưa được thanh lý hiện không định giá được là lỗi của anh L1, anh L nên anh L, anh L1 phải tự chịu, trong khi Công ty ÔLaLa chưa chứng minh được có giao Thông báo cho anh L, anh L1 về việc bàn giao mặt bằng, tài sản có tại quán cho Công ty Đ mà anh L, anh L1 không bàn giao; còn anh L, anh Long

cung C được giấy biên nhận của dịch vụ chuyển phát nhanh EMS đóng dấu bưu cục chấp nhận ngày 06/4/2024 (bút lúc 180) là phù hợp với ngày anh L1 có Thông báo về việc giải quyết mặt bằng và tài sản tại quán N1 cho Công ty Đ. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng anh L, anh L1 tự ý thanh lý tài sản mà không có sự tham gia của Công ty Đ; các tài sản còn lại chưa thanh lý hiện không định giá được là lỗi của anh L, anh L1 là chưa có cơ sở vững chắc.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh L, anh L1 phải có trách nhiệm hoàn trả tiền vốn góp cho Công ty ÔLaLa, nhưng không tuyên quyền sở hữu, sử dụng các tài sản nói trên cho anh L, anh L1 là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các anh.

[2.5] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty ÔLaLa yêu cầu anh L, anh L1 phải trả tiền lãi phạt chậm thanh lý hợp đồng từ ngày 05/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm của số tiền 171.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết là chưa giải quyết hết các yêu cầu Công ty ÔLaLa.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có các vi phạm tổ tụng trong quá trình thu thập chứng cứ, như: 02 Biên bản định giá tài sản ngày 29/7/2025 (bút lục 23, 294, 208, 209) đều có 02 trang, nhưng người tham gia tố tụng không ký từng trang, không thể hiện tài sản định giá; 02 Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/7/2025 (bút lục 205 - 207, 210 - 212) đều không có sự tham gia của đại diện UBND hoặc Công an cấp xã nơi có đối tượng cần xem xét, thẩm định, không đóng dấu xác nhận; người tham gia tố tụng không ký từng trang, chỉ ký trang cuối cùng (không có nội dung); biên bản có nhiều trang, nhưng không đóng dấu giáp lai là không đúng quy định tại Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về nội dung cũng như tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, cần hủy một phần bản án sơ thẩm về việc chia phần đóng góp và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.7] Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.8] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty ÔLaLa 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001226 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Hoàn trả lại cho anh L và anh L1, mỗi người 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001177

ngày 24/9/2025 và số 0001191 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

[2.10] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[2.11] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 296, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 504, 505, khoản 2 Điều 512 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đ về yêu cầu bồi thường thiệt hại uy tín thương hiệu của Công ty Cổ phần Đ.

2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2025/DSST ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Quảng Ngãi về chia phần đóng góp của Công ty Cổ phần Đ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đ 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001226 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Hoàn trả cho anh Phan Văn L và anh Lê Bảo L1, mỗi người 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0001177 ngày 24/9/2025 và số 0001191 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi
- TAND khu vực 7 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 7 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa Dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thu Lan

